

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34 /2016/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 03 tháng 8 năm 2016

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

VĂN BẢN ĐẾN

Số: 14.850

Ngày 09 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả
chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 03 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1909/TTr-SNN ngày 25 tháng 7 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

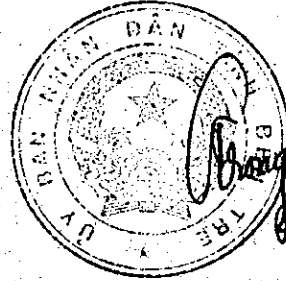
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh;

Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư Pháp (để kiểm tra);
- Website Chính phủ;
- TT.TU, TT.HỢND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bến Tre;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website tỉnh;
- Trung tâm thông tin điện tử;
- Báo Đồng Khởi; Đài PT-TH tỉnh;
- Ban Tiếp dân (để niêm yết);
- NC: TC-ĐT, KT, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Trọng

QUY ĐỊNH

**Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ
trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 - 2020**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 34 /2016/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết: loại tinh, mức hỗ trợ liêu tinh và đơn giá liêu tinh phối giống nhân tạo heo; loại tinh, mức hỗ trợ liêu tinh, đơn giá và định mức vật tư phối giống nhân tạo trâu, bò; loại giống, số lượng và mức hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi mua con giống; đơn giá và mức hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi xây dựng công trình khí sinh học, làm đệm lót sinh học; số lượng người, đơn giá và mức hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc; đơn giá và mức hỗ trợ bình chứa Nito lỏng cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi heo, bò, gia cầm, trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp (sau đây gọi là hộ chăn nuôi).
- b) Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020.
- d) Các nội dung khác không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg, Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020, Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Điểm a Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

VIỆC HỖ TRỢ CHO HỘ CHĂN NUÔI

Điều 2. Hỗ trợ phối giống nhân tạo hàng năm cho heo, bò

1. Phôi giống nhân tạo cho heo nái sinh sản:

a) Loại tinh: Sử dụng tinh heo ngoại các giống Yorkshire, Landrace, Duroc và tinh heo lai 2-3 máu ngoại phù hợp với điều kiện chăn nuôi của địa phương. tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi có đủ điều kiện cung cấp theo quy định hiện hành.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí về liệu tinh cho các hộ chăn nuôi để thực hiện phối giống cho heo nái. Mức hỗ trợ không quá 02 liệu tinh cho một lần phối giống và không quá 05 liệu tinh cho một heo nái/năm;

c) Đơn giá liệu tinh: Theo đơn giá được duyệt hàng năm của UBND tỉnh.

2. Phôi giống nhân tạo cho, bò cái sinh sản

a) Loại tinh: Sử dụng tinh bò giống nhóm Zebu (Brahman, Sind); nhóm thịt (Droughtmaster, Red Angus, Limousin, Chalorais); tinh bò sữa Holstein Friz (HF) do các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước sản xuất hoặc nhập khẩu, nằm trong danh mục quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có đủ điều kiện cung cấp theo quy định hiện hành.

b) Mức hỗ trợ: Không quá 2 liệu tinh/bò thịt/năm, 04 liệu tinh/bò sữa/năm.

c) Đơn giá: Theo đơn giá được duyệt hàng năm của UBND tỉnh.

3. Hỗ trợ vật tư phối giống nhân tạo trên bò cái sinh sản

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí vật tư phối giống nhân tạo trên bò cái sinh sản. Mức hỗ trợ đối với tinh đông lạnh là 2 liệu tinh/bò thịt/năm, 04 liệu tinh/bò sữa/năm; Nitơ lỏng dùng để vận chuyển tinh đi phối giống mức tối đa đến 2.0 lít/01 con bò cái hướng sữa có chửa; đến 1,5 lít/01 con bò cái hướng có chửa.

b) Đơn giá: Theo đơn giá được duyệt hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Điều kiện được hưởng hỗ trợ phối giống nhân tạo heo, bò:

a) Các hộ chăn nuôi dưới hoặc 10 con heo nái; dưới hoặc 10 con bò sinh sản, có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

b) Sử dụng loại tinh theo yêu cầu của địa phương, có nhãn mác rõ ràng, tiêu chuẩn chất lượng phù hợp hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Hỗ trợ mua heo, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị

1. Loại giống hỗ trợ

a) Đối với heo đực giống: Sử dụng các giống heo Yorkshire, Landrace, Duroc có lý lịch rõ ràng, xuất xứ từ các cơ sở cung ứng đạt tiêu chuẩn đã công bố theo quy định hiện hành.

b) Đối với giống bò đực giống: Sử dụng giống hướng thịt Brahman, Droughtmaster, Red Agus, Limousin có lý lịch rõ ràng, xuất xứ từ các cơ sở cung ứng đạt tiêu chuẩn đã công bố theo quy định hiện hành.

c) Đối với gà giống bố mẹ hậu bị: Sử dụng các giống gà có nguồn gốc rõ ràng phù hợp với điều kiện phát triển chăn nuôi tại địa phương và thị hiếu tiêu thụ, được cung cấp từ các cơ sở ấp trứng đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh Giống vật nuôi; chất lượng đạt Tiêu chuẩn cơ sở công bố theo quy định.

d) Đối với vịt giống bố mẹ hậu bị: Sử dụng các giống vịt hướng trứng và hướng thịt có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo khỏe mạnh, được cung cấp từ các cơ sở

áp trứng đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh Giống vật nuôi; chất lượng đạt Tiêu chuẩn cơ sở công bố theo quy định hiện hành.

2. Mức hỗ trợ mua, bò, heo đực giống và gà vịt giống bố mẹ hậu bị

a) Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị con giống heo, bò đực giống cho các hộ chăn nuôi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để thực hiện phối giống dịch vụ. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 con đối với heo đực giống từ 06 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 03 con heo đực giống; mức hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/1 con đối với bò đực giống từ 12 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ được hỗ trợ mua một con bò đực giống.

b) Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị gà, vịt giống bố mẹ hậu bị. Mức hỗ trợ bình quân đối với gà, vịt giống không quá 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng)/1 con; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 200 con gà hoặc vịt giống bố mẹ hậu bị.

3. Điều kiện được hỗ trợ

a) Chăn nuôi các đối tượng heo, bò đực giống để phối giống dịch vụ hoặc nuôi gà, vịt giống gắn với ấp nở cung cấp con giống; có nhu cầu, làm đơn đăng ký và cam kết thực hiện nghiêm kỹ thuật chăn nuôi an toàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

b) Mua loại giống phù hợp yêu cầu của địa phương; có nguồn gốc từ các cơ sở sản xuất giống vật nuôi, có lý lịch rõ ràng đối với heo, bò hoặc phẩm cấp giống phù hợp đối với gà, vịt; có tiêu chuẩn chất lượng phù hợp theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ mua một trong các đối tượng: Heo đực giống, hoặc bò đực giống, hoặc gà giống, hoặc vịt giống.

Điều 4. Hỗ trợ về xử lý chất thải trong chăn nuôi

1. Nội dung và mức hỗ trợ làm đệm lót sinh học và bể Biogas

a) Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị xây công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu)/1 công trình/1 hộ;

b) Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 hộ.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

a) Chăn nuôi với quy mô thường xuyên không ít hơn: 05 con heo nái hoặc 10 con heo thịt hoặc 03 con trâu, bò hoặc 200 con gia cầm sinh sản và tương đương; có nhu cầu xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

b) Có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc xây mới công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học đáp ứng hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Mỗi hộ chỉ được hưởng hỗ trợ kinh phí để xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học.

Chương III
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN
PHỐI GIỐNG NHÂN TẠO GIA SÚC

Điều 5. Hỗ trợ về đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc

1. Nội dung và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ một lần đến 80% kinh phí đào tạo, tập huấn cho các cá nhân về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc. Mức hỗ trợ không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/1 người.

2. Điều kiện hỗ trợ:

- a) Đã hoàn thành chương trình Trung học phổ thông; dưới 40 tuổi.
- b) Có nhu cầu, làm đơn và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận, thực hiện đăng ký học và đóng kinh phí cho cơ sở đào tạo. Sau khi hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn, có chứng chỉ đào tạo, tập huấn sẽ đến trình Ủy ban nhân dân xã (nơi đăng ký ban đầu) để được thanh toán tiền hỗ trợ chi phí đào tạo, tập huấn.

Điều 6. Hỗ trợ bình chứa nito lỏng để vận chuyên, bảo quản tinh phối giống nhân tạo gia súc

1. Số lượng: Hỗ trợ 01 bình/người làm dịch vụ phối giống nhân tạo.

2. Định mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 1 lần đến 80% giá trị bình chứa Nito lỏng từ 1,0 đến 3,7 lít cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 bình/1 người.

3. Điều kiện hỗ trợ:

- a) Đã qua đào tạo, tập huấn có chứng chỉ; có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận;
- b) Mua loại bình phù hợp quy định của địa phương và có cam kết bảo quản, sử dụng bình trong thời gian không ít hơn 5 năm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Theo Khoản 2 Điều 8, Thông tư 09/TT-BNNPTNT và Điểm c, Khoản 1, Điều 4 của Thông tư 205/2015/TT-BTC.

b) Hàng năm phối hợp với các sở, ngành liên quan, hỗ trợ Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ tại địa phương, thẩm định, trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đấu thầu, chỉ định và công bố danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi; cung cấp tinh, con giống và vật tư thực hiện thụ tinh nhân tạo đảm bảo chất lượng cho người chăn nuôi và người làm dịch vụ thụ tinh nhân tạo trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định theo định kỳ.

2. Sở Tài chính

a) Hàng năm trên cơ sở báo cáo tổng hợp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để bố trí kinh phí hỗ trợ.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cơ chế tài chính đối với chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 - 2020.

c) Khi kết thúc năm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chỉ đạo các cơ quan thông tin truyền thông, phối hợp các đoàn thể tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến cơ sở, người chăn nuôi về chính sách hỗ trợ tại Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT; Thông tư số 205/2015/TT-BTC.

b) Hàng năm xây dựng kế hoạch, kinh phí, thực hiện chính sách hỗ trợ gửi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân, phân bổ dự toán ngân sách hàng năm.

c) Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ từ các xã gửi lên và phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định nhu cầu hỗ trợ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg.

d) Tổ chức triển khai, thực hiện, phối hợp với các sở, ban ngành tỉnh có liên quan tổ chức triển khai, kiểm tra, báo cáo kết quả triển khai chính sách tại địa phương, đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp tháo gỡ những bất cập trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

a) Chỉ đạo các bộ phận chức năng, phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền phổ biến các quy định cụ thể việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 - 2020. Thông báo rộng rãi cho người dân về thời điểm tiếp nhận đơn hàng năm.

b) Tiếp nhận, thẩm định, xác nhận đơn đăng ký của các hộ chăn nuôi, các cá nhân có nhu cầu tham gia lớp đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc, làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.

c) Tổng hợp danh sách các hộ chăn nuôi, các cá nhân có đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

d) Niêm yết công khai danh sách các hộ được hỗ trợ tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, thị trấn. Tổ chức triển khai, giám sát quá thực hiện chính sách hỗ trợ tại địa phương.

đ) Trực tiếp giải quyết chính sách hỗ trợ cho các cá nhân đã qua đào tạo, tập huấn, làm dịch vụ phối giống nhân tạo đã được quy định tại Điều 5 và Điều 6 quy định này.

e) Hướng dẫn và giám sát các hộ chăn nuôi được hưởng hỗ trợ, thực hiện nghiêm các nội dung như: chăn nuôi đảm bảo vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường và an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi.

5. Báo Đồng khởi, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh

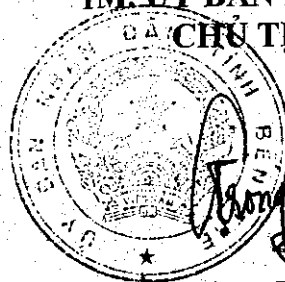
Tuyên truyền, phổ biến các văn bản của Trung ương có liên quan đến chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ và các nội dung được quy định tại Quy định này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trong quy định này trong quá trình tổ chức thực hiện được thay thế bởi các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các ngành, các cấp gửi văn bản phản ánh đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CÁI LẬU**



Cao Văn Trọng